

KẾ HOẠCH HỌC TẬP KHÓA 46

Ngành học: Sư phạm Sinh học

Mã ngành: 7140213

Đơn vị quản lý: Khoa Sư phạm

Hệ đào tạo chính quy

Bộ môn: Sư phạm Sinh học

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú
Học kỳ 1									
1	QP010	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8		
2	QP011	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8		
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		14	16		
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56		
5	SP009	Tâm lý học đại cương	2	2		30			
6	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15			
7	SG449	Sinh học phân tử và tế bào	2	2		30			
		Cộng	13	13	0				
Học kỳ 2									
1	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		30			
2	SG434	TT. Sinh học phân tử và tế bào	1	1			30		
3	TN021	Hóa vô cơ và hữu cơ đại cương	2	2		30			
4	TN022	TT. Hóa vô cơ và hữu cơ đại cương	1	1			30		
5	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		4		60		Chọn 1 trong 2
6	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4						
7	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60		
8	TN128	Thống kê Sinh học	2	2		30			
10	SP010	Tâm lý học Sư phạm	2	2		30		SP009	
11	SG189	Vật lý cho Sinh học	2	2		30			
12	SG448	Sinh học cơ thể	2	2		30			
13	TC100	Giáo dục thể chất 1 (*)	1	1			30		
		Cộng	22	18	4				
Học kỳ 3									
1	ML016	Kinh tế chính trị Mác-Lenin	2	2		30		ML014	
2	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3		3	45		XH023	Chọn 1 trong 2
3	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		FL001	
4	SP079	Giáo dục học	3	3		45		SP010	
5	TN144	Vi sinh vật học	3	3		45		SG449	
7	TN145	TT. Vi sinh vật học	1	1			30		
9	NN123	Sinh hóa B	2	2		30		SG449	
11	NN124	TT. Sinh hóa B	1	1			30		
13	SP176	Động vật không xương sống	2	2		30		SG448	
14	SP177	TT. Động vật không xương sống	1	1			30		
15	SG184	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Sinh học	2	2		15	30		
16	SG262	Kỹ thuật vẽ trong Sinh học	2		2	15	30		Chọn 1 trong 3
17	TN149	Mô động vật	2				30		
18	TN339	Độc chất học môi trường	2				30		
		Cộng	22	17	5				
Học kỳ 4									
1	SG439	Phương pháp nghiên cứu Khoa học giáo dục	2	2		15	30		

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú
2	SG419	Lý luận dạy học Toán và Khoa học tự nhiên	2	2		30			
4	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016	
5	SG131	Hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông	2	2		15	30	SP079	
6	SP180	Động vật có xương sống	2	2		30		SP176	
7	SP181	TT. Động vật có xương sống	1	1			30		
8	SP178	Hình thái giải phẫu thực vật	2	2		30		SG448	
9	SP179	TT. Hình thái giải phẫu thực vật	1	1			30		
10	TC100	Giáo dục thể chất 2 (*)	1	1			30		
11	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3		3	45		XH024	Chọn 1 trong 2
12	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45		FL002	
13	ML007	Logic học đại cương	2			30			
14	XH028	Xã hội học đại cương	2		2	30			Chọn 1 trong 7
15	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30			
16	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30			
17	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30			
18	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20		
19	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20		
		Cộng	20	15	5				
Học kỳ 5									
1	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018	
2	SP597	Kiến tập Sư phạm	2	2		15	30		
3	SG193	Phương pháp dạy học Sinh học	2	2		15	30	SG419	
4	SG422	Đánh giá kết quả học tập Toán và Khoa học tự nhiên	2	2		15	30		
6	SP415	Giải phẫu người và động vật	2	2		30			
7	SP416	TT. Giải phẫu người và động vật	1	1			30		
8	SP168	Phân loại thực vật A	2	2		30			
9	SP190	TT. Phân loại thực vật A	1	1			30		
10	SP167	Sinh thái học	2	2		30			
11	SP184	Anh văn chuyên ngành Sinh học	2		2	30		XH025	Chọn 1 trong 2
12	SG428	Pháp văn chuyên ngành Sư phạm Sinh học	2			30		FL003	
		Cộng	18	16	2				
Học kỳ 6									
1	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			60	ML019	
2	SG431	Phát triển chương trình giáo dục Toán và Khoa học tự nhiên	2	2		30		SG193	
4	SP576	Sinh lý thực vật - SP. Sinh học	2	2		30			
5	SP577	TT. Sinh lý thực vật - SP. Sinh học	1	1			30		
6	SP419	Di truyền và chọn giống	3	3		45		SG448	
8	SP420	TT. Di truyền và chọn giống	1	3			30		
10	SG460	Thực tập giáo trình Sinh học	2	2			60		
11	SP417	Sinh lý người và động vật	3	3		45			
12	SP418	TT. Sinh lý người và động vật	1	1			30		
13	TC100	Giáo dục thể chất 3(*)	1	1			30		
		Cộng	20	20	0				
Học kỳ 7									
1	SG188	Tập giảng Sinh học	2	2			60	SG431	
2	SP550	Công nghệ Gen và tế bào	2	2		30			
3	SP421	Thí nghiệm Sinh học phổ thông	1	1			30		

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú
5	SP528	Tiến hóa	2	2		30			
6	SP429	Câu hỏi và bài tập Sinh phổ thông	2	2		30			
7	SG011	Quản lý Hành chính nhà nước và QL ngành GD&ĐT	2	2		30			
8	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30			
		Cộng	13	13	0				
Học kỳ 8									
1	SP598	Thực tập Sư phạm	3	3			90		
2	SG405	Luận văn tốt nghiệp - SP. Sinh học	10				300	≥ 105 TC	
3	SG355	Tiểu luận tốt nghiệp - SP. Sinh học	4				120		Nếu không thực hiện LVNT thì SV có thể chọn những HP từ 3-10 để đảm bảo đủ 10 TC
4	SG191	Niên luận Sinh học	2				60		
5	SP428	Đấu tranh sinh học và ứng dụng	2			30			
6	SP431	Tập tính động vật	2			30			
7	SG450	Sinh học và phát triển bền vững	2			30			
8	SG263	Kỹ thuật phòng thí nghiệm - Sinh học	2			30			
9	TN151	Sinh học phát triển	2			30			
10	SG456	Giáo dục trải nghiệm	2			30			
		Cộng	13	3	10				
		Tổng	141	115	26				

(*): các học phần điều kiện không tính điểm trung bình chung tích lũy

Cần Thơ, ngày 28 tháng 8 năm 2020

Hội đồng KH&ĐT
Chủ tịch

Khoa Sư phạm
P.Trưởng Khoa

Bộ môn Sư phạm Sinh học
Trưởng Bộ môn



Lâm Quốc Anh



Huỳnh Anh Huy



Đặng Minh Quân